TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2020
V/v: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Hồng Dung.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Sang.**
Bà **Trần Ngọc Sáng.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2020 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Đặng Minh V**, sinh năm 1980 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Khu tập thể quân sự quận C, khu vực B, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ

2. *Bị đơn*: Bà **Mai Hồng Xuân Q**, sinh năm 1991 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Đặng Minh V bày và yêu cầu*: Ông và bà Q qua quá trình tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục vào ngày 16/12/2019, tuy nhiên cả hai chưa làm thủ tục đăng ký kết. Do sau khi tổ chức lễ cưới thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không

được. Nhận thấy không thể hàn gắn nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Mai Hồng Xuân Q.

Về con chung: Không có con chung.

Tài sản chung: Không có, tài sản chung.

Nợ chung: không có nợ ai.

* *Bị đơn bà Mai Hồng Xuân Q trình bày*: Bà Q thống nhất với phần trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung như trên. Hôn nhân của bà và ông V trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tuy nhiên, tuy nhiên chưa có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, qua yêu cầu của ông V thì bà Q thống nhất đồng ý do vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Không có con chung.

Tài sản chung: Không có, tài sản chung.

Nợ chung: không có, nợ ai nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng đồng thời vẫn giữ phần trình bày và yêu cầu như trên của mình cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cả hai thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung*: Cả hai trình bày không có, con chung.

- *Tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: Không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Dăng Minh V và bà Mai Hồng Xuân Q tự nguyện đi đến hôn nhân vào tháng 12/2019, nhưng ông V và bà Q chỉ làm lễ cưới theo phong tục mà không có tiến hành đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông V và bà Q không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng. Ông V có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Q là quan hệ vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên quan hệ tranh chấp được xác định là không công nhận quan hệ vợ chồng, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Minh V và bị đơn bà Mai Hồng Xuân Q tham gia và có ý kiến trình bày và yêu cầu của mình, đồng thời tại phiên tòa hôm nay cả hai có đơn xin xét xử vắng mặt, do bận công tác đột xuất không đến được và vẫn giữ yêu cầu nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông V và bà Q thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có làm lễ cưới theo phong tục, nhưng mặc dù ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng cả hai không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa ông V và bà Q.

Ông V có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Q trong quá trình giải quyết vụ án thì phía bà Q cũng thừa nhận hôn nhân của hai người không có đăng ký và bà Q thống nhất với ý kiến của V là yêu cầu Tòa án không công nhận hai người là quan hệ vợ chồng, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 trường hợp này Tòa án không công nhận ông V và bà Q là vợ chồng.

- Về con chung: Ông V và bà Q khai thống nhất trong thời gian chung sống hai người không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông V và bà Q khai thống nhất là trong thời gian chung sống hai người không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Cả hai khai thống nhất là không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ tách thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Minh V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9 và 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Minh V và bà Mai Hồng Xuân Q và là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông V và bà Q khai thống nhất không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Q khai thống nhất là trong thời gian chung sống hai người không có tài sản chung và không có nợ ai, nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ tách thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Minh V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 005955 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ; ông V đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định; để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hồng Dung

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.Cần Thơ;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.